

1
Phụ lục

**Kết quả rà soát, xử lý hồ sơ TTHC tôn động trên địa bàn xã Thiện Tín**
(Kèm theo báo cáo số 603/BC-UBND ngày 01/10/2026 của UBND xã Thiện Tín)
(Số liệu từ ngày 01/7/2025 đến ngày 16/9/2026)

STT	Lĩnh vực	Mã hồ sơ	Ghi chú
I. Hồ sơ xử lý Xong			
1	Đất đai	H48.227-251027-0012	
2		H48.227-251126-0004	
3		H48.227-251126-0003	
4		H48.227-250730-0012	
5		H48.227-251126-0001	
6		H48.227-251204-0010	
7		H48.227-260108-0007	
8		H48.227-250730-0002	
9		H48.227-260406-0005	
10		H48.227-260224-0021	
11		H48.227-250729-0006	
12		H48.227-250821-0016	
II. Hồ sơ dừng xử lý			
1	Đất đai	H48.227-251202-0003	
2		H48.227-251117-0012	
3		H48.227-251117-0004	
4		H48.227-251126-0002	
5		H48.227-251202-0005	
6		H48.227-260129-0002	
7		H48.227-260511-0001	
8		H48.227-250813-0038	
III. Hồ sơ thực hiện nghĩa vụ thuế			
1	Đất đai	H48.227-260615-0002	
2		H48.227-260415-0001	
3		H48.227-260731-0003	
4		H48.227-260331-0002	
5		H48.227-250820-0007	
6		H48.227-250721-0019	
7		H48.227-251027-0010	
8		H48.227-251117-0005	
9		H48.227-251117-0003	
10		H48.227-251202-0004	
11		H48.227-251205-0007	
12		H48.227-251211-0008	
13		H48.227-260123-0011	
14		H48.227-260205-0002	
15		H48.227-260513-0004	
16		H48.227-250814-0018	
IV. Hồ sơ trình lãnh đạo xã phê duyệt			
1	Đất đai	H48.227-260326-0001	
2		H48.227-250814-0012	
V. Hồ sơ kiểm tra thực địa, niêm yết công khai			
1		H48.227-251015-0008	

2	Đất đai	H48.227-260417-0004	
3		H48.227-260129-0001	
4		H48.227-260306-0007	
5		H48.227-260303-0002	
6		H48.227-260324-0005	
7		H48.227-260325-0002	
8		H48.227-260410-0006	
9		H48.227-260429-0001	
10		H48.227-260508-0002	
11		H48.227-260507-0001	
12		H48.227-260508-0001	
13		H48.227-260508-0003	
14		H48.227-260518-0002	
15		H48.227-260604-0002	
16		H48.227-260604-0001	
17		H48.227-260707-0002	
18		H48.227-260710-0002	
19		H48.227-260703-0003	
20		H48.227-260714-0001	
VI. Hồ sơ phối hợp			
1	Đất đai	H48.227-260731-0002	